

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ X  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2017/HNGĐST

Ngày: 20-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ X, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Đậu Thị Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Lý;

Bà Nguyễn Thị Thắm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã X tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 518/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Khu Q, thị trấn W, huyện E, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ tạm trú: Tổ R, khu phố T, phường Y, thị xã X, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Khu U, thị trấn I, huyện O, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ tạm trú: Tổ R, khu phố T, phường Y, thị xã X, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2017 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà D và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là thị trấn Y), huyện U, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông H chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Về nhà vô cớ đánh đập, chửi mắng con cái. Nợ nần từ bài bạc quá nhiều làm cho kinh tế gia đình trở nên khó khăn, thiếu thốn nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Mâu thuẫn đã diễn ra trong một thời gian dài, hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Bà D và ông H hiện không còn sống chung với nhau từ tháng 7/2017 cho đến nay. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà D xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 27/3/2002 và Nguyễn Đức L, sinh ngày 26/10/2003. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Bà D yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Duy H trong quá trình tham gia tố tụng trình bày: Ông H thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm sống chung, việc đăng ký kết hôn, thời điểm vợ chồng sống ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Về hôn nhân: Ông H cho rằng cuộc sống vợ có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về tài chính. Ông H có tham gia chơi bài bạc gây ra nợ nần. Từ khi bà D nộp đơn xin ly hôn từ đầu tháng 07/2017 tới nay thì mâu thuẫn hôn nhân bắt đầu trầm trọng hơn do bà D cương quyết ly hôn với ông. Do mâu thuẫn nên ông H đã dọn ra ngoài sống riêng. Vợ chồng đã sống ly thân được 02 tháng. Do còn yêu thương vợ nên ông H mong muốn được hàn gắn, đoàn tụ, ông H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Nếu Tòa án giải quyết chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông H thì về con chung ông H đồng ý giao 02 con chung bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông H đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng

theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Duy H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Duy H tự nguyện chung sống từ năm 2001, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là thị trấn Y), huyện U, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, hôn nhân giữa ông H và bà D là hôn nhân hợp pháp.

Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì giữa ông H và bà D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần làm cho kinh tế gia đình lâm vào cảnh khó khăn, thiếu thốn. Ông H thường xuyên vô cớ đánh đập, chửi mắng con cái. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng ông H, bà D đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Quá trình tham gia tố tụng, ông H cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về tài chính, ông H có đánh bài bạc dẫn đến nợ nần. Do mâu thuẫn vợ chồng nên ông H đã dọn ra ngoài sống riêng từ tháng 7/2017 cho đến nay. Xét mâu thuẫn hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn hôn nhân đã xảy ra trong một thời gian dài nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Duy H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 27/3/2002 và Nguyễn Đức L, sinh ngày 26/10/2003. Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Duy H đồng ý giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Cả cháu L và cháu L đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông H đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi theo yêu cầu của bà D.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn ông Nguyễn Duy H về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Duy H.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 27/3/2002 và Nguyễn Đức L, sinh ngày 26/10/2003 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Nguyễn Duy H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày án có hiệu lực thi hành cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Ông H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không ai được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **2. Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0016320 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà D đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Duy H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã X;
- Chi cục THADS thị xã X;
- UBND thị trấn Y, huyện U, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Đậu Thị Thảo**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đậu Thị Thảo**





